

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-PT

Ngày 07 - 8 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán nhà,
tranh chấp hợp đồng tín dụng,
tranh chấp đòi tiền sửa chữa nhà
và tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2018/TLPT- DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp đòi tiền sửa chữa nhà và tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1025/2016/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 588/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1948; cư trú tại: đường Đ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph (được ủy quyền theo văn bản ngày 16/4/2013): Ông Phan Huy Kh, sinh năm 1964; cư trú tại: đường Ph, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt)*.

2. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1952; quốc tịch: Hoa Kỳ; cư trú tại: H TPK N H, CT 06473, USA; *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2014): Bà Phạm Thị Phương Th, sinh năm 1975; cư trú tại: đường L, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; *(vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) N;

Địa chỉ: đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật chưa có, do ông Ngô Cảnh Tr - Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty, chết ngày 03/8/2010, hiện Công ty chưa cử người thay thế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ngô Công C, sinh năm 1925; thường trú: đường Th, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ, Chí Minh; tạm trú: đường L1, Phường 01, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2013): Ông Lại Huy T, sinh năm 1989; cư trú tại: đường Tr, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Phạm Ngọc Tr1, Luật sư – Công ty luật TNHH N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt)*.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần NT;

Trụ sở chính: đường Tr1, quận H, Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chi nhánh NSG: Tầng 1 (trệt), Tầng 2, Tầng 3, Tầng 4, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới H1, đường Ng, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2008 và văn bản ủy quyền ngày 15/03/2016): Bà Lương Thanh Tr2, sinh năm 1973; cư trú tại: đường Tr2, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt)*.

3. Ông Lâm Quốc V, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: đường T, phường H3, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: đường Tr4, xã Ph1, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh; *(vắng mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2014): Ông Tô Bá Th1, sinh năm 1977; cư trú tại: đường Ng1, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

4. Ông Ngô Cảnh Ph1, sinh năm 1958; quốc tịch: Úc; cư trú tại: M 287493 G, C Centre, P.O Box 274, G, NSW 2580, Australia; *(vắng mặt).*

5. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Ngô Cảnh Tr, sinh năm 1961 (chết ngày 03/8/2010) gồm:

5.1 Bà Dương Thị Thu H; *(vắng mặt).*

5.2 Ông Kevil Ngô Thế V1; *(vắng mặt).*

5.3 Ông Kieran Ngô Vinh Q; *(vắng mặt).*

5.4 Ông Kenneth Ngô Trung C; *(vắng mặt).*

Cùng quốc tịch Úc; cùng địa chỉ: 336 C Rd, C, NSW 2166, Australia.

6. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp A, xã L3, huyện Ch, Tỉnh Bến Tre; *(xin vắng mặt).*

7. Bà Trần Thị O, sinh năm 1953; cư trú tại: đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph;

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Công C và bà Trần Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh Ph (có ông Phan Huy Kh làm đại diện) và lời trình bày của các đương sự kèm theo các chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán nhà đối với căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/12/2000 giữa ông Ngô Công C, bà Phạm Thị H và Công ty TNHH N, diện tích xây dựng là 331,20m² lý do: Công ty chưa thanh toán tiền mua nhà, giá mua bán là 1.400 lượng vàng 9999 (căn cứ nợ tiền mua nhà là Biên bản họp của Công ty TNHH N về việc mua thiếu căn nhà trên); Hợp đồng mua bán nhà số công chứng 109502 ngày 06/12/2000 tại Phòng công chứng số 2 bị vô hiệu do giả tạo. Do đó, căn nhà trên, có diện tích 1.662,8m² như bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 và đã được Công ty Cổ phần giám định N thẩm định giá 65.583.000.000 đồng, là tài sản thuộc sở hữu của ông Ngô Công C và bà Phạm Thị H (chết ngày 20/3/2001, không có lập di chúc) có các đồng thừa kế của bà Phạm Thị H là ông Nguyễn Minh L, Nguyễn Thị Minh Ph, Ngô Cảnh Ph1, Ngô Cảnh Tr (chết ngày 03/8/2010, có lập di chúc) có các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Tr là Dương Thị Thu H, Kevil Ngô Thế V1,

Kieran Ngô Vinh Q, Kenneth Ngô Trung C, ngoài ra còn có người thừa kế theo di chúc của ông Tr là Nguyễn Thị Minh Ph và Trần Thị H1. Di chúc của ông Tr là hợp pháp, nên bà Ph yêu cầu chia toàn bộ nhà đất trên theo pháp luật cho bà Ph và bà Ph được hưởng thêm phần theo di chúc của ông Tr. Đề nghị phát mãi toàn bộ nhà đất trên và chia theo pháp luật và phần nhà đất thuộc sở hữu của ông C (60% trị giá nhà đất, ông C sẽ thực hiện trả nợ cho Ngân hàng 50% số nợ tương ứng với phần vốn góp của ông C trong Công ty TNHH N).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh L (có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Phương Th) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Phan Huy Kh đại diện cho bà Nguyễn Thị Minh Ph.

Bị đơn Công ty TNHH N có ông Lâm Quốc V trình bày:

Ngày 25/10/2000, ông C và ông V có thỏa thuận góp vốn thành lập Công ty TNHH N với nội dung: ông V 50%, ông C 50% góp bằng 2 giá trị căn nhà. Ngày 06/12/2000, ông C, bà Phạm Thị H và Công ty TNHH N ký hợp đồng mua bán căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11, được công chứng, trước bạ và đăng bộ. Trước đó, ông V đã giao cho ông C số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và sau đó vài ngày ông V trả đủ cho ông C số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng). Như vậy, việc mua bán nhà giữa ông C, bà Phạm Thị H và Công ty TNHH N đã hoàn tất theo đúng quy định pháp luật. Nay ông C yêu cầu hủy hợp đồng mua bán, ông không đồng ý vì ông đã bỏ ra 50% số tiền mua nhà do đó ông phải được sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà này.

Ông Ngô Công C – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH N có ông Lại Huy T đại diện trình bày:

Công ty TNHH N có thiếu nợ theo Hợp đồng tín dụng số 18003200100001 đối với Ngân hàng TMCP NT.

Công ty TNHH N thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng là căn nhà tại địa chỉ số 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích đất ở theo giấy tờ pháp lý mà Ngân hàng đang giữ là khoảng 331,20m² chứ không phải toàn bộ diện tích đất ở 1.708,85m².

Giám đốc Lâm Quốc V đã được thay thế bằng ông Ngô Cảnh Tr và nay ông Ngô Cảnh Tr đã chết hiện Công ty TNHH N chỉ còn tồn tại trên mặt pháp lý, thực tế Công ty không có hoạt động và hiện cũng chưa có người đại diện theo pháp luật của Công ty thay thế ông Ngô Cảnh Tr.

Ông C không chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng về khoản nợ Công ty TNHH N đã vay, mặc dù trên giấy tờ pháp lý ông C có góp vốn 50% trên danh nghĩa, nhưng thực tế không có ai góp vốn, ông V cũng không góp vốn. Vốn vay 2.000.000.000 đồng cá nhân ông V sử dụng mua máy móc sản xuất nhưng sau đó ông V tự ý tháo dỡ máy móc mang đi nơi khác, hiện nay ông V, ông C đang tranh chấp vốn góp thành viên công ty và vụ án kinh doanh thương mại này đang tạm đình chỉ với lý do là chờ giải quyết trước vụ án này đối với

phần nợ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT tương ứng với phần vốn góp của ông C trong Công ty TNHH N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Công C (có người đại diện theo ủy quyền là ông Lại Huy T) trình bày:

Ngày 06/12/2000, ông Ngô Công C và bà Phạm Thị H (vợ ông C đã chết tháng 4/2001) làm hợp đồng mua bán căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11 với Công ty TNHH N với diện tích là 331,20m², trong tổng diện tích thực tế là 1.760m² với giá 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), hợp đồng được ký kết tại Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Do Công ty TNHH N chưa có vốn nên ông C, bà Phạm Thị H làm thủ tục để Công ty TNHH N thế chấp nhà vay vốn Ngân hàng TMCP NT với số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) theo Hợp đồng số 01 ngày 02/01/2001. Nhưng đến nay, Công ty TNHH N vẫn chưa trả tiền cho ông C, bà Phạm Thị H. Nên ông C khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán nhà ký ngày 06/12/2000 giữa bên bán là ông Ngô Công C và bà Phạm Thị H với bên mua là Công ty TNHH N, lý do hủy: Vô hiệu do giả tạo, không có mua bán thực, không có thanh toán tiền, ký hợp đồng để Công ty có tài sản thế chấp Ngân hàng vay vốn hoạt động. Tại thời điểm thế chấp, ông C với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty, ông Lâm Quốc V là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty. Năm 2001, Công ty thay đổi Giám đốc – người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Cảnh Tr. Ông Ngô Cảnh Tr chết ngày 03/8/2010. Hiện nay, Công ty vẫn chưa làm thủ tục thay thế người đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP NT (có người đại diện theo ủy quyền là bà Lương Thanh Tr2) trình bày:

Ngày 02/01/2001, Công ty TNHH N dùng căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11 để thế chấp vay của Ngân hàng với số tiền là 02 tỷ đồng, thế chấp toàn bộ nhà xưởng gắn liền với đất, đến nay Công ty TNHH N còn nợ Ngân hàng cả vốn lẫn lãi tính đến 20/9/2016 là 3.880.627.165 đồng. Ngân hàng xác định sẽ phát mại tài sản thế chấp là căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11 với diện tích là 1.708,85m² để thu hồi vốn vay và lãi vay nếu Công ty TNHH N không có khả năng trả nợ.

Công ty TNHH N thế chấp toàn bộ đất có diện tích 1.708,85m² và nhà xưởng gắn liền với đất tại 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2001 TSTC/VCBTT ngày 02/01/2001 và Hợp đồng tín dụng Việt Nam đồng theo dự án đầu tư phát triển số 01-2001 TSTC/VCBTT ngày 02/01/2001 và Ngân hàng hiện đang giữ toàn bộ bản chính giấy tờ pháp lý liên quan đến tài sản thế chấp trên để vay 2.000.000.000 đồng vốn của Ngân hàng.

Bà Trần Thị O trình bày: Bà có đầu tư sửa chữa tại nhà đất đang tranh chấp và có nộp bản thẩm định giá chi phí sửa chữa cho Tòa án tham khảo. Hiện nay, bà đang quản lý, sử dụng nhà, đất này. Bà O yêu cầu được thanh

toán trả lại chi phí sửa chữa nhà mà bà đã đầu tư khi Tòa án giải quyết đối với tranh chấp đối với nhà đất này số tiền là 3.878.800.000 đồng.

Bà Trần Thị H1 trình bày: Thống nhất với ý kiến với ông Phan Huy Kh về việc yêu cầu được hưởng phần tài sản của ông Tr đã có di chúc chia cho bà Hằng được hưởng một phần tài sản theo di chúc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1025/2016/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 450, 451, 452, 471, 634 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 70/CP ngày 12/06/1996 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án và căn cứ Pháp lệnh án phí ngày 27/02/2009;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Nguyễn Minh L; chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP NT, không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị O.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Minh Ph hủy bỏ Hợp đồng mua bán nhà được lập ngày 06/12/2000 tại Phòng Công chứng 2, số công chứng 109502 giữa bên bán nhà là ông Ngô Công C, bà Phạm Thị H với bên mua là Công ty TNHH N, đối với 331,2m² đất nhà ở tại địa chỉ 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định nhà đất tại 117 (số cũ 119) đường L1, phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của Công ty TNHH N.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Minh Ph đòi chia thừa kế di sản thừa kế của bà Phạm Thị H là 1/2 trị giá nhà đất tổng diện tích 1.662,8m² như bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 do 1/2 nhà đất này không phải là di sản của bà Phạm Thị H.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP NT, buộc Công ty TNHH N trả số tiền vốn vay 1.306.801.976đ (một tỷ ba trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ một ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng) và lãi vay 2.573.825.189đ (hai tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn một trăm tám mươi chín đồng) tính đến ngày 20/9/2016 cho Ngân hàng TMCP NT;

Công ty TNHH N phải trả tiếp số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng giữa hai bên được tính trên số vốn vay chưa thanh toán xong kể từ ngày 21/9/2016 cho đến ngày Ngân hàng thu hồi đủ số vốn vay.

Ngân hàng TMCP NT được yêu cầu phát mãi toàn bộ nhà và đất với tổng diện tích 1.662,8m² theo bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 (không kể phần sửa chữa mà Bà O đã đầu tư, Bà O phải tháo dỡ phần sửa chữa để trả lại nguyên trạng ban đầu cho Công ty TNHH N) để đảm bảo việc thi hành án trả nợ cho Ngân hàng.

Công ty TNHH N hoàn trả lại cho Ngân hàng 25.300.000đ (hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định giá theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000654 ngày 29/12/2014 của Công ty Cổ phần giám định N.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị O, buộc Bà O phải tháo dỡ phần sửa chữa để trả lại nguyên trạng ban đầu cho Công ty TNHH N theo bản vẽ hiện trạng do Công ty xây dựng kinh doanh nhà Quận 11 lập và được Phòng Quản lý đô thị Quận 11 thông qua ngày 29/6/1999.

5. Đình chỉ giải quyết, không xem xét trong vụ án này đối với yêu cầu của ông Lâm Quốc V về việc tranh chấp thành viên Công ty TNHH N đối với ông Ngô Công C; Đình chỉ giải quyết đơn của ông Ngô Công C về yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán nhà với tư cách là nguyên đơn đối với bị đơn là Công ty TNHH N mà ông C là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2016, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 13/10/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Công C và Trần Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Công C trình bày: Lời khai của ông Lâm Quốc V tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2003 thể hiện các bên không có tiền góp vốn vào Công ty TNHH N. Thời điểm đó, do Ngân hàng yêu cầu tài sản thế chấp phải là tài sản của Công ty thì mới cho thế chấp vay tiền, nên giữa ông C, bà Phạm Thị H với Công ty TNHH N đã lập hợp đồng mua bán nhà ngày 06/12/2000 là giả tạo để giúp Công ty vay vốn Ngân hàng. Về nhà đất thế chấp thì chỉ là nhà xưởng trên diện tích đất 331,2m², trong khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho Ngân hàng TMCP NT được yêu cầu phát mãi toàn bộ nhà và đất với tổng diện tích 1.662,8m² là vượt quá phạm vi thế chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu của ông C và các đồng thừa kế là hủy hợp đồng mua bán nhà ngày 06/12/2000 giữa ông C, bà Phạm Thị H với Công ty TNHH N, đồng ý bán phát mãi nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng, trả tiền cho Ngân hàng xong, còn lại chia cho các đồng thừa kế; còn việc giải quyết tranh chấp giữa các thành viên Công ty TNHH N sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP NT trình bày ý kiến tranh luận: Ngân hàng không có yêu cầu tài sản thế chấp phải là tài sản của Công ty TNHH N thì mới cho thế chấp vay tiền như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Công C trình bày. Khi ký hợp đồng thế chấp tài sản vay tiền Ngân hàng thì có bộ hồ sơ nhà đất tại 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đi kèm, trong đó có sơ đồ, bản vẽ diện tích đất 1.708,85m² và nhà xưởng gắn liền, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho Ngân hàng TMCP NT được yêu cầu phát mãi toàn bộ nhà và đất với tổng diện tích 1.662,8m² là đúng theo hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng vụ án đã thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công C và Trần Thị O: Ngày 06/12/2000, vợ chồng ông Ngô Công C và bà Phạm Thị H đã lập hợp đồng bán căn nhà số 117 L1, Phường 1, Quận 11 cho Công ty TNHH N. Căn nhà và đất số 117 L1, Phường 1, Quận 11 đã là tài sản của Công ty TNHH N và đã được Công ty thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP NT. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph cho rằng hợp đồng bán căn nhà trên là giả tạo, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn còn cho rằng Công ty TNHH N chưa trả tiền mua nhà nhưng cũng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công C và bà Trần Thị O; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với việc ông Lâm Quốc V bỏ việc, không đến làm việc tại Công ty TNHH N, ông V lấy máy móc, tài sản của Công ty nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Công C, bà Trần Thị O nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm như sau:

1. Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình tham gia tố tụng vụ án này, Giám đốc Công ty TNHH N là ông Ngô Cảnh Tr chết vào ngày 03/8/2010; nhưng do hai thành viên góp vốn thành lập Công ty là ông C và ông V đang có mâu thuẫn về quyền và lợi ích trong Công ty và đang trong quá trình giải quyết ở một vụ án khác theo đơn khởi kiện của ông V yêu cầu xác định ông được sở hữu 50% nhà và đất của Công ty tại địa chỉ 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nên Công ty không cử được người đại diện theo pháp luật thay thế ông Tr. Tuy nhiên, vì toàn bộ thành viên góp vốn thành lập Công ty TNHH N là ông V và ông C đều đang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp thực tế khách quan, vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp của các đương sự theo quy định pháp luật.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt bản án sơ thẩm cho các đương sự đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định pháp luật, nhưng họ đều không có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đều thống nhất đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự đang cư trú ở nước ngoài, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH N (Công ty):

[2.1a] Ngày 25/10/2000, ông Ngô Công C và ông Lâm Quốc V đã có thỏa thuận cùng góp vốn thành lập Công ty TNHH N, theo đó ông C sẽ làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, còn ông V sẽ làm Giám đốc Công ty.

[2.1b] Sau khi Công ty TNHH N được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 08/11/2000, đến ngày 10/11/2000 Hội đồng quản trị Công ty TNHH N đã họp V/v góp vốn hoạt động Công ty. Theo Biên bản cuộc họp này thể hiện: Ông Lâm Quốc V – Giám đốc Công ty - góp 1,5 tỷ đồng và ông Ngô Công C – Chủ tịch HĐQT Công ty - góp 1,5 tỷ đồng (BL 167).

[2.1c] Sau đó, tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 20/4/2001 (BL 170) còn có nội dung: Sau khi nghe ông C trình bày yêu cầu đề nghị Ban quản trị Công ty xác nhận số vốn góp của ông C cho đến thời điểm hiện tại để bổ túc hồ sơ lập di chúc. Các thành viên nhất trí xác nhận số vốn của ông Ngô Công C cho đến ngày 20/4/2001 là 1,5 tỷ đồng.

[2.1d] Hơn nữa, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH N ngày 24/12/2002 (có mặt ông Ngô Công C và ông Ngô Cảnh Tr, còn ông V vắng mặt), chính ông C và ông Tr đã xác nhận: Ông Lâm Quốc V là thành viên Công ty, góp 50% vốn điều lệ.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định ông Lâm Quốc V và ông Ngô Công C là hai thành viên góp vốn thành lập Công ty TNHH N, mỗi người góp 50% với số tiền là 1,5 tỷ đồng.

[2.2] Về Hợp đồng mua bán nhà ngày 06/12/2000 đối với nhà đất số 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.2a] Ông Ngô Công C có vợ là bà Phạm Thị H (chết ngày 20/3/2001) có 02 con là ông Ngô Cảnh Ph1 và Ngô Cảnh Tr. Bà Phạm Thị H còn có 02 con riêng là Nguyễn Thị Minh Ph và Nguyễn Minh L.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Ngô Công C có tạo lập được căn nhà số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2b] Xét việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph đã căn cứ vào Biên bản họp bất thường của Công ty TNHH N lập ngày 04/11/2000 để cho rằng, bà

Phạm Thị H và ông C đã đồng ý bán thiếu cho Công ty TNHH N căn nhà 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 1.400 lượng vàng 9999 và đến nay Công ty chưa thanh toán tiền mua căn nhà này, là không có căn cứ. Vì, Biên bản họp bất thường này không phải là hợp đồng mua bán nhà và nội dung biên bản chỉ thể hiện việc ông Lâm Quốc V – Giám đốc Công ty, ông Ngô Công C – Chủ tịch HĐQT Công ty và bà Phạm Thị H tham gia cuộc họp để bàn bạc, thỏa thuận về việc mua bán căn nhà đất số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, theo Biên bản cuộc họp ngày 30/11/2000 (BL 168), Hội đồng quản trị mới thống nhất các nội dung sau:

- + Công ty đồng ý mua lại toàn bộ mặt bằng sản xuất tại số 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Phạm Thị H vào mục đích làm trụ sở Văn phòng và xưởng sản xuất của Công ty.

- + Giá mua được ban quản lý thống nhất là 3 tỷ đồng được lấy từ vốn góp của thành viên.

- + Nhất trí đề cử ông Lâm Quốc V làm đại diện theo pháp luật của Công ty để đứng tên trong hồ sơ mua bán mặt bằng sản xuất số 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2c] Tại Hợp đồng mua bán nhà số 12422/HĐ-MBN ngày 06/12/2000 tại Phòng Công chứng nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh (BL 240 - 242); giữa: Bên bán: Chồng Ngô Công C và vợ Phạm Thị H là sở hữu chủ căn nhà tọa lạc tại số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bên mua: Công ty TNHH N. Giá mua bán 03 tỷ. Bên A đã nhận trước 02 tỷ; có nội dung ghi rõ: *Sau khi công chứng xong, bên B giao hết tiền, bên A giao nhà.* Hợp đồng này có chữ ký của ông C, bà Phạm Thị H và Công ty TNHH N do ông V làm đại diện. Trong khi đó, việc nguyên đơn cho rằng Công ty TNHH N chưa thanh toán tiền mua nhà nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[2.2d] Sau đó, tại Đơn xin xác nhận tình trạng nhà tại thời điểm năm 2001 (BL 29), UBND Phường 1, Quận 11 đã xác nhận: Căn nhà số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH N do ông Lâm Quốc V làm đại diện, không có ai tranh chấp. Hợp đồng được Công chứng, trước bạ và đăng bộ theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 18/6/2001 (BL 171) có nội dung: Ông Lâm Quốc V thôi giữ chức Giám đốc Công ty và ông Ngô Cảnh Tr (là con đẻ của ông C) thay cho ông V làm Giám đốc Công ty từ ngày 18/6/2001; nhưng không thể hiện có việc bàn giao sổ sách Công ty, không thể hiện việc Công ty TNHH N chưa trả tiền mua nhà đất cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông C. Mặc dù, ông C là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH N đã quyết định thay đổi Giám đốc Công ty TNHH N là ông Lâm Quốc V thành ông Ngô Cảnh Tr kể từ tháng 06/2001 khi cho rằng giữa ông Lâm Quốc V và ông Ngô Công C đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng Công ty lại không thực hiện việc bàn giao sổ sách công nợ rõ ràng, cụ thể để

xác định Công ty có nợ tiền mua bán nhà đối với ông C, bà Phạm Thị H hay không, trong khi ông C cũng là đồng sở hữu với bà Phạm Thị H bên bán nhà.

[2.2đ] Hơn nữa, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 24/12/2002 (ông V vắng mặt), chính ông C và ông Tr đã xác nhận: Tài sản của Công ty N là căn nhà 117 L1.

[2.2e] Mặt khác, khi bà Phạm Thị H còn sống, Công ty TNHH N đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng gắn liền với đất tại 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP NT theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-2001 TSTC/VCBTT ngày 02/01/2001, nhưng bà Phạm Thị H không có ý kiến phản đối và không có di chúc đối với nhà đất nêu trên.

[2.2g] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH N đã mua nhà đất số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh của vợ chồng ông C và bà Phạm Thị H theo Hợp đồng mua bán nhà số 12422/HĐ-MBN lập ngày 06/12/2000 tại Phòng Công chứng nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị H và ông C đã giao nhà cho Công ty TNHH N, Công ty đã đứng tên chủ sở hữu căn nhà, đất số 117 (số cũ 119) L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2h] Như vậy, hợp đồng mua bán nhà được lập ngày 06/12/2000 nêu trên có hiệu lực và toàn bộ nhà, đất với tổng diện tích 1.708,85m² thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH N. Theo đó, bà Phạm Thị H và ông Ngô Công C không còn quyền sở hữu đối với nhà đất này kể từ ngày 06/12/2000, nên ½ diện tích nhà đất này không phải là di sản của bà Phạm Thị H (chết ngày 20/3/2001). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi chia di sản của bà Phạm Thị H đối với ½ diện tích nhà đất này là có căn cứ.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ nhà xưởng gắn liền với đất tại 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH N tại Ngân hàng TMCP NT:

[2.3a] Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01/12/2000 (BL 169) gồm ông Lâm Quốc V – Giám đốc Công ty và ông Ngô Công C – Chủ tịch HĐQT Công ty đã thống nhất nội dung: Cử ông Lâm Quốc V – Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty trong tất cả các quan hệ giao dịch vay vốn, bảo lãnh, thanh toán, thế chấp, cầm cố tài sản Công ty tại các Ngân hàng và trước các cơ quan pháp luật nhà nước; Chấp nhận dùng các tài sản của Công ty làm đảm bảo cho các hợp đồng, khoản vay vốn bảo lãnh của công ty tại các Ngân hàng. Vì vậy, việc ông Ngô Công C cho rằng ông V tự ý thế chấp vay tiền Ngân hàng TMCP NT, là không có cơ sở.

[2.3b] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP NT trình bày, khi Công ty TNHH N ký hợp đồng thế chấp tài sản vay tiền của Ngân hàng thì có bộ hồ sơ nhà đất tại 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đi kèm, trong đó có sơ đồ, bản vẽ diện tích đất

1.708,85m² (theo bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 diện tích đất thực tế là 1.662,8m²) và nhà xưởng gắn liền, là có cơ sở.

[2.3c] Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên cho Ngân hàng TMCP NT được yêu cầu phát mãi toàn bộ nhà và đất với tổng diện tích 1.662,8m² theo bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 là đúng theo hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký, có căn cứ.

[2.4] Về yêu cầu của bà Trần Thị O về việc yêu cầu được thanh toán lại chi phí sửa chữa tại nhà đất tranh chấp với số tiền 3.738.800.000 đồng:

Do Bà O tự sửa chữa nhà 117 L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, không được phép của cơ quan chức năng, không xin phép Công ty TNHH N và Ngân hàng. Việc Bà O tự ý sửa chữa nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân Bà O và như Bà O trình bày là sửa chữa, không xây dựng mới trên nhà xưởng bằng khung công nghiệp có sẵn mà sau này bà mới biết là Công ty TNHH N đang có tranh chấp với ông C và bà Phạm Thị H về hợp đồng mua bán nhà đối với nhà đất này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bà Trần Thị O tháo dỡ phần đã sửa chữa để trả lại nguyên trạng ban đầu cho Công ty TNHH N theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Xây dựng kinh doanh nhà Quận 11 lập và được Phòng Quản lý đô thị Quận 11 thông qua ngày 29/6/1999, là có căn cứ.

[2.5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công C và bà Trần Thị O là không có cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Công C, bà Trần Thị O; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1025/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận, các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Công C và bà Trần Thị O; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1025/2016/DS-ST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 450, 451, 452, 471, 634 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 70/CP ngày 12/06/1996 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án và căn cứ Pháp lệnh án phí ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh Ph và ông Nguyễn Minh L; chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP NT; không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị O:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Minh Ph yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng mua bán nhà được lập ngày 06/12/2000 tại Phòng Công chứng 2 số công chứng 109502 giữa bên bán nhà là ông Ngô Công C, bà Phạm Thị H với bên mua nhà là Công ty TNHH N, đối với 331,2m² đất và nhà ở tại địa chỉ 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định nhà đất tại 117 (số cũ 119) đường L1, phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của Công ty TNHH N.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Minh Ph đòi chia thừa kế di sản thừa kế của bà Phạm Thị H là 1/2 trị giá nhà đất tổng diện tích 1.662,8m² như bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 do 1/2 nhà đất này không phải là di sản của bà Phạm Thị H.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP NT, buộc Công ty TNHH N trả số tiền vốn vay 1.306.801.976đ (một tỷ ba trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ một ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng) và lãi vay 2.573.825.189đ (hai tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn một trăm tám mươi chín đồng) tính đến ngày 20/9/2016 cho Ngân hàng TMCP NT;

Công ty TNHH N phải trả tiếp số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng giữa hai bên được tính trên số vốn vay chưa thanh toán xong kể từ ngày 21/9/2016 cho đến ngày Ngân hàng thu hồi đủ số vốn vay.

Ngân hàng TMCP NT được yêu cầu phát mãi toàn bộ nhà và đất tại 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 1.662,8 m² theo bản vẽ hiện trạng được kiểm tra nội nghiệp ngày 19/6/2014 (không kể phần sửa chữa mà Bà O đã đầu tư, Bà O phải tháo dỡ phần sửa chữa để trả lại nguyên trạng ban đầu cho Công ty TNHH N) để đảm bảo việc thi hành án trả nợ cho Ngân hàng.

Công ty TNHH N hoàn trả lại cho Ngân hàng 25.300.000đ (hai mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định giá theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000654 ngày 29/12/2014 của Công ty Cổ phần giám định N.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị O; buộc Bà O phải tháo dỡ phần sửa chữa tại nhà đất tại 117 (số cũ 119) đường L1, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để trả lại nguyên trạng ban đầu cho Công ty TNHH N theo bản vẽ hiện trạng do Công ty xây dựng kinh doanh nhà Quận 11 lập và được Phòng Quản lý đô thị Quận 11 thông qua ngày 29/6/1999.

5. Đình chỉ giải quyết, không xem xét trong vụ án này đối với yêu cầu của ông Lâm Quốc V về việc tranh chấp thành viên Công ty TNHH N đối với ông Ngô Công C.

Đình chỉ giải quyết đơn của ông Ngô Công C về yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán nhà với tư cách nguyên đơn đối với bị đơn là Công ty TNHH N mà ông C là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho ông Ngô Công C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai đã nộp số 5086 ngày 29/4/2003 của Đội thi hành án Quận 11.

Bà Nguyễn Thị Minh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), cản trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 41.200.000đ (bốn mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 06382 ngày 07/01/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Ph còn được nhận lại số tiền chênh lệch thừa 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng).

Ông Nguyễn Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), cản trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 07994 ngày 22/12/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông L còn được nhận lại số tiền chênh lệch thừa 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị O được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 53.388.000đ (năm mươi ba triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 04082 ngày 05/9/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 30.880.627đ (ba mươi triệu tám trăm tám mươi ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Hoàn lại toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP NT là 14.198.000đ (mười bốn triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 1640 ngày 29/4/2003 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm Quốc V, 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 08592 ngày 21/5/2015 Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Chi phí Ủy thác tư pháp tổng đạt bản án sơ thẩm cho các đương sự ở nước ngoài: Bà Nguyễn Thị Minh Ph, ông Ngô Công C, mỗi đương sự phải nộp 200.000 đồng, Ngân hàng TMCP NT phải nộp 5.000.000 đồng, các đương sự đã nộp đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh Ph phải chịu 200.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Phạm Huy Khoát đã nộp thay theo biên lai thu số 0031383 ngày 18/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Ngô Công C phải chịu 200.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Lại Huy T đã nộp thay theo biên lai thu số 0031507 ngày 08/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Trần Thị O phải chịu 200.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Lại Huy T đã nộp thay theo biên lai thu số 0031506 ngày 08/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Bà O đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 07 tháng 8 năm 2018./.

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Duyên

Trần Thị Thu Thủy

Đỗ Đình Thanh